

Bài 14

GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông đang phát triển rất nhanh. Các loại hình dịch vụ này ngày càng đa dạng và hoạt động có hiệu quả.

I. GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Ý nghĩa

Giao thông vận tải có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với mọi ngành kinh tế và đối với sự hoạt động hiệu quả của nền kinh tế thị trường. Giao thông vận tải thực hiện các mối liên hệ kinh tế trong nước và ngoài nước. Nhờ vào việc phát triển giao thông vận tải mà nhiều vùng khó khăn đã có cơ hội để phát triển.

2. Giao thông vận tải ở nước ta đã phát triển đầy đủ các loại hình



Bảng 14.1. Cơ cấu khối lượng hàng hoá vận chuyển phân theo các loại hình vận tải (%)
(không kể vận tải bằng đường ống)

Loại hình vận tải	Khối lượng hàng hoá vận chuyển	
	năm 1990	năm 2002
Tổng số	100,00	100,00
Đường sắt	4,30	2,92
Đường bộ	58,94	67,68
Đường sông	30,23	21,70
Đường biển	6,52	7,67
Đường hàng không	0,01	0,03

Quan sát bảng 14.1, hãy cho biết loại hình vận tải nào có vai trò quan trọng nhất trong vận chuyển hàng hoá. Tại sao ?

Loại hình nào có tỉ trọng tăng nhanh nhất ? Tại sao ?

Đường bộ : Hiện nay, cả nước có gần 205 nghìn km đường bộ, trong đó có hơn 15 nghìn km đường quốc lộ. Vận tải đường bộ chuyên chở được nhiều hàng hoá và hành khách nhất, đồng thời cũng được đầu tư nhiều nhất. Các tuyến đường quan trọng đang được mở rộng, nâng cấp, tiêu biểu là quốc lộ 1A chạy từ Lạng Sơn đến Cà Mau, quốc lộ 5, quốc lộ 18, quốc lộ 51, quốc lộ 22, đường Hồ Chí Minh. Nhiều phà lớn đã được thay bằng cầu, nhờ đó giao thông được thông suốt. Tuy nhiên, còn nhiều đường hẹp và chất lượng xấu.



Hình 14.1. Lược đồ mạng lưới giao thông, năm 2002

Dựa vào hình 14.1, hãy xác định các tuyến đường bộ xuất phát từ thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Đường sắt : Tổng chiều dài đường sắt chính tuyến là 2632 km. Đường sắt Thống Nhất (Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh) cùng với quốc lộ 1A làm thành trục xương sống của giao thông vận tải ở nước ta. Các tuyến đường sắt còn lại đều nằm ở miền Bắc. Đường sắt luôn được cải tiến kỹ thuật.

Dựa vào hình 14.1, hãy kể tên các tuyến đường sắt chính.

Đường sông : Mạng lưới đường sông của nước ta mới được khai thác ở mức độ thấp, tập trung ở lưu vực vận tải sông Cửu Long là 4500 km và lưu vực vận tải sông Hồng là 2500 km.

Đường biển : Bao gồm vận tải ven biển và vận tải biển quốc tế. Hoạt động vận tải biển quốc tế được đẩy mạnh do việc mở rộng các quan hệ kinh tế đối ngoại. Ba cảng biển lớn nhất là Hải Phòng, Đà Nẵng và Sài Gòn.

Đường hàng không : Hàng không Việt Nam đã và đang phát triển đội máy bay theo hướng hiện đại hoá. Đến năm 2004, hàng không Việt Nam đã sở hữu những máy bay hiện đại nhất như Boeing 777, Boeing 767,... Mạng nội địa có 24 đường bay đến 19 sân bay địa phương với ba đầu mối chính là Hà Nội (Nội Bài), Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh (Tân Sơn Nhất). Mạng quốc tế ngày càng được mở rộng, trực tiếp nối Việt Nam với nhiều nước ở châu Á, châu Âu, Bắc Mỹ và Ô-xtrây-li-a.



Hình 14.2. Cầu Mỹ Thuận bắc qua sông Tiền

Đường ống : Vận tải đường ống đang ngày càng phát triển, gắn với sự phát triển của ngành dầu khí. Vận chuyển bằng đường ống là cách hiệu quả nhất để chuyên chở dầu mỏ và khí.

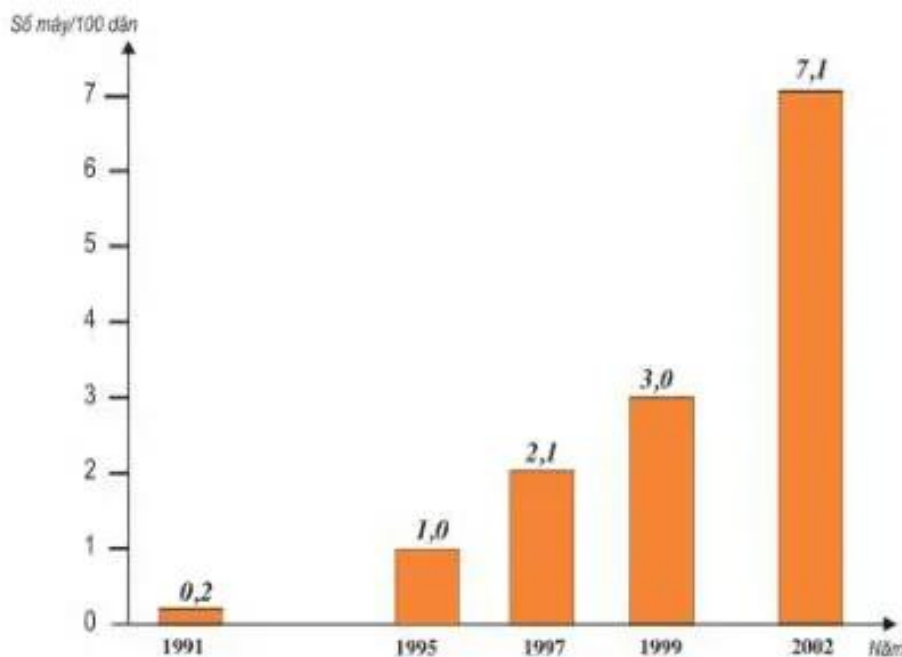
II. BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Việc phát triển bưu chính viễn thông có ý nghĩa chiến lược, góp phần đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp, nhanh chóng hội nhập với nền kinh tế thế giới. Những dịch vụ cơ bản của bưu chính viễn thông là điện thoại, điện báo, truyền dẫn số liệu, Internet, phát hành báo chí, chuyển bưu kiện, bưu phẩm,...

Bưu chính đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Mạng bưu cục không ngừng được mở rộng và nâng cấp. Nhiều dịch vụ mới với chất lượng cao ra đời như chuyển phát nhanh, chuyển tiền nhanh, điện hoa, tiết kiệm qua bưu điện. Trong tương lai, nhiều dịch vụ mới sẽ ra đời như mua bán hàng qua bưu chính, khai thác dữ liệu qua bưu chính,...

Mật độ điện thoại, một chỉ tiêu đặc trưng cho sự phát triển viễn thông tăng rất nhanh, tốc độ tăng lớn hơn mức tăng trưởng của kinh tế nói chung.

Việt Nam hiện là nước có tốc độ phát triển điện thoại đứng thứ hai thế giới.



Hình 14.3. Biểu đồ mật độ điện thoại cố định (số máy/100 dân)

Toàn mạng lưới điện thoại đã được tự động hoá, tới tất cả các huyện và tới hơn 90% số xã trong cả nước. Đến giữa năm 2002, cả nước có hơn 5 triệu thuê bao điện thoại cố định, gần 1 triệu thuê bao điện thoại di động.

Năng lực mạng viễn thông quốc tế và liên tỉnh được nâng lên vượt bậc. Các dịch vụ nhắn tin, điện thoại di động, điện thoại dùng thẻ, thư điện tử, truyền số liệu,... không chỉ dùng ở các thành phố lớn như trước mà đã và đang phát triển tới hầu hết các tỉnh.

Hơn mười năm qua ngành viễn thông đã thành công trong việc đi thẳng vào hiện đại. Việt Nam có 6 trạm thông tin vệ tinh, 3 tuyến cáp quang biển quốc tế nối trực tiếp Việt Nam với hơn 30 nước, qua châu Á, Trung Cận Đông, đến Tây Âu. Tuyến cáp quang Bắc - Nam nối tất cả các tỉnh thành.

Nước ta hoà mạng Internet vào cuối năm 1997. Mạng Internet quốc gia là kết cấu hạ tầng kỹ thuật tối quan trọng để phát triển và hội nhập. Trên cơ sở phát triển Internet mà hàng loạt dịch vụ khác đã được phát triển như phát hành các báo điện tử, các trang WEB của các cơ quan, các tổ chức kinh tế, các trường học,... Đang hình thành mạng giáo dục và có thể tiến hành dạy học trên mạng, giao dịch buôn bán trên mạng,...

Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông được đầu tư lớn và có hiệu quả. Các tuyến đường được đầu tư nâng cấp, các cầu mới đang thay cho phà. Hàng không được hiện đại hoá, mở rộng mạng lưới quốc tế và nội địa. Số người dùng điện thoại tăng vọt. Số thuê bao Internet cũng đang tăng rất nhanh.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Trong các loại hình giao thông ở nước ta, loại hình nào mới xuất hiện trong thời gian gần đây ?
2. Dựa vào hình 14.1, hãy kể tên và xác định các quốc lộ chính.
3. Xác định trên hình 14.1, các cảng biển lớn ở nước ta.
4. Việc phát triển các dịch vụ điện thoại và Internet tác động như thế nào đến đời sống kinh tế - xã hội nước ta ?